TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 10 /2019/HNGĐ-ST Ngày 26 - 04 -2019 V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

2. Ông Võ Hùng Em.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: *bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.*

Ngày 26 tháng 04 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc: "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phan Thị N, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Lê Sầu R, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N có mặt. Anh R vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 18/10/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Chị N và anh R sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu sống rất hạnh phúc, đến năm 2017 chị

N và anh R thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân do anh R không quan tâm lo lắng cho vợ con, mặc dù anh R và chị còn sống chung nhà với nhau nhưng không quan tâm lo lắng cho nhau. Hôm nay chị N nhận thấy tình cảm giữa chị và anh R không còn, chị N yêu cầu được ly hôn với anh R.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị N và anh R có với nhau 04 người con chung gồm: Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 29/9/1995, Lê Thanh T, sinh ngày 04/11/1997, Lê Duy K, sinh ngày 01/01/2002 và Lê Thị Thanh T, sinh ngày 11/9/2007. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung cháu K và cháu Lê Thị Thanh T, hiện nay hai con chung K và Lê Thị Thanh T đang sống chung nhà với chị N và anh R. Chị N không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với hai con chung cháu Lê Thị Cẩm T và cháu Lê Thanh T đã trưởng thành, tự lao động được không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Lê Sầu R vắng mặt đến nay không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và khẳng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N có đơn xin ly hôn với anh R, trú tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh R vắng mặt lần 2 không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh R.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N có đơn xin ly hôn với anh R và yêu cầu được nuôi con chung, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là:“ Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị N và anh R chung sống như vợ chồng vào năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị N và anh R thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do chị N và anh R bất đồng quan điểm, lần mâu thuẫn cuối cùng vào năm 2017. Trước đây và cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N yêu cầu ly hôn với anh R, đối với anh R đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng đến nay không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị N và anh R có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay mà

không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ theo quy định pháp luật giữa anh chị. Do chị N và anh R chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh R.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị N và anh R có bốn người con chung là cháu Lê Duy K, sinh ngày 01/01/2002 và Lê Thị Thanh T, sinh ngày 11/9/2007, Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 29/9/1995 và Lê Thanh T, sinh ngày 04/11/1997. Đối với 02 cháu Lê Thị Cẩm T và cháu Lê Thanh T đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện nay hai con chung Lê Duy K, Lê Thị Thanh T đang sống với chị N, anh R. Tại các buổi hòa giải và phiên tòa hôm nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là cháu Lê Duy K và cháu Lê Thị Thanh T, cháu K và cháu Lê Thị Thanh T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Anh R không có văn bản ý kiến về việc nuôi 02 con chung cháu Lê Thị Thanh T, cháu K. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai cháu, căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận theo nguyện vọng của hai cháu Lê Thị Thanh T và cháu K đươc tiếp tục sống với chị N. Do đó chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cháu Lê Thị Thanh T và cháu K.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lê Thị Thanh T và cháu K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N khẳng định không tranh chấp tài sản chung. Anh R cũng không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án về việc tranh chấp tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa chị N và anh R sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N khẳng định không có nợ chung. Anh R cũng không có văn bản ý kiến gởi đến Tòa án về việc tranh chấp nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa chị N và anh R sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh R, giao cháu K và cháu Lê Thị Thanh T cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ - Về quan hệ hôn nhân:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị N và anh Lê Sầu R.

2/ - Về quan hệ con chung:

- Chị Phan Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị Thanh T, sinh ngày 11/9/2007, cháu Lê Duy K, sinh ngày 01/01/2002, hiện nay 02 con chung đang sống với chị N.

- Anh Lê Sầu R được quyền đến thăm nom và chăm sóc cháu Lê Thị Thanh T, cháu K không ai được cản trở anh R thực hiện quyền này.

3/- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

4/- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5/- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6/- Về án phí:

- Chị Phan Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005494, quyển 0000110 ngày 13 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, chị N đã nộp đủ.

- Anh Lê Sầu R không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc